# Quality Attribute

Tạo tin và lưu xuống 🡪 lưu bản tin

+ Khi mà người dùng sử dụng máy, hình có trên server thì lưu nhanh

+ Còn nếu như trên máy local<khác local> ( file đi kèm) thì nó lâu .. phải đưa vào mô tả tài liệu chất lượng. 🡪 tính trạng thái.

Detail là những gì **không ảnh hướng** đến kiến trúc, những gì **ảnh hưởng kiến trúc** là high level.

Một cái đường truyền attach file thì đường truyền là bao nhiêu? Mail là bao nhiêu?.. ước lượng cho kiến trúc

Đăng tin internet: đưa 10 giây 🡪 phân tích lại

Người để xuất: architect & customer..

Trang đăng ký

**Đo lường mã hóa: trả về mã hóa md5 < kham khảo lại >**

**Xem lại xem lỗi hệ thống có cần thiết không, từ bên ngoài 🡪 để đưa ra ưu tiên chỗ nào ( che lỗi bên ngoài hệ thống internet.)**

**+ Stimulus : người ta đang làm gì thì xảy ra lỗi hệ thống.**

*Toàn bộ mẫu tin tin sẽ được lưu lại 🡪 mô tả lại*

Khi hệ thống bị lỗi.. thì những cái người dùng đang thực hiện thì sẽ được hệ thống lưu trữ lại - không bị mất dữ liệu

* Vậy thì **respon measure** thì nó đảm bảo bao nhiêu phần trăm (30-40%,60....)

**(+)** Usability: Ngay tại thời điểm soạn tin (giống file word) <ví dụ: FCKeditor> không cho người dùng thao tác mã – giao diện trực qan ( word)

**Scalability**

Mở rộng hệ thống là tứ 2 máy 🡪 chạy trên 2 máy được không ( mở rộng cái phạm vi vật lý )

Nếu 3 công cụ chạy trên 1 máy thì 1000 người truy cập thì nó bị sau, tập trung/phân tán

Plot balance: 500 người mà vd lên 1000 người thì hệ thống nó quá tải thì nó tự động cân bằng tải qua một hệ thống khác chẳng hạn ( nhưng nó chỉ là 1).

Phân tán chức năng 🡪 google

Còn hệ thống của mình là **phân tán components**

Tách hệ thống ra chạy độc lập trên các hệ thống server khác nhau.

\respon measure 🡪 đảm bảo..

*Availibitiy 🡪 cái module nào bị lỗi thì không ảnh hưởng đến hệ thống khác – tách components/*

Tìm gần đúng nó nhiều thay vì trả tin gác…

Cách tính số tin liên quan 🡪 có công thức để tính🡪 độ tin cậy **<Search engine>**

# Chức năng

Mô phòng database users, **quản trị tài khoản cho phép tạo, chỉnh sửa, xóa** để sử dụng <không làm cái phân quyền 🡪 chỉ cái hạ code ( tạm để sử dụng )>

DOL 🡪 quản trị bộ tự điển là 1 cái module riêng ( có thể add vào hệ thống hay công cụ ), nó viết ra chỉ để cho thằng khác xài. 🡪 phải có **admin.**

Alternative flow có khi nó xuất phát từ giao diện. < không phải nhất thiết từ cái luồng chính >

Nếu như chuyển sang 1 trang khác ( F5 chẳng hạn) thì alternative flow

3 trường hợp exceptional flow

Mất kết nối

Nhấn F5

Time out

Cúp điện

**Nếu** thực hiện lưu tin thì E01, E02 thì bản tin được duyệt và được gửi..

Gọp chup tìm kiếm bản tin với tìm kiếm tin liên quan

Sửa lại **xem trước bản tin**

Thêm alternative flow trong **Chuyển tin**

Thêm cái alternative flow cho **Duyệt tin**

**Đăng tin /html 🡪 cũng 2 nơi (internet/intranet)**

**Hạ tin cũng zậy.**

Cái use case nào không có trong luồng phụ thì đưa ra làm use case chính / và ngược lại.

ủy quyền chỉ được cho 1 người.

**Tạo/update/delete index** cho công cụ quản trị bộ từ điển 🡪 vậy nó tương tác đến database internet . 🡪 Zậy tìm kiếm không có tương tác đến database internet.

Interface trong kiến trúc thầy Quang sẽ chỉ.

**Q/A capstone1: Tại sao định nghĩa entity như thế 🡪 giải thích?**